

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-02-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phơ

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/9/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc T, địa chỉ: HKS NH, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lưu Khải H, địa chỉ: TM/BK NGT, khóm B, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2017 và lời trình bày của chị Trần Ngọc T tại phiên tòa thì:

Chị Trần Ngọc T và anh Lưu Khải H tổ chức lễ cưới ngày 21/4/2011, đến ngày 21/3/2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 người con chung là

cháu Lưu Ngọc V (nữ, sinh ngày 16/11/2011), nhưng không có tài sản chung, nợ chung.

Sau thời gian chung sống, chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn; không quan tâm, chăm sóc vợ con. Từ năm 2014 thì anh chị không còn sống chung cho đến nay.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và giao cháu Lưu Ngọc V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng vào ngày giữa tháng, bắt đầu từ tháng 02/2018 cho đến khi chấm dứt theo quy định pháp luật. Riêng về tài sản chung và nợ chung thì chị Trần Ngọc T cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Ngọc T đã nộp Giấy khai sinh của Lưu Ngọc V và Giấy chứng nhận kết hôn của chị T và anh H.

- Theo kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn ngày 26/10/2017 của Tòa án đối với bà Hồ Ngọc Kiều thì anh Lưu Khải H là con ruột của bà Kiều và nguyên nhân chị Trần Ngọc T và anh H phát sinh tranh chấp là do anh H không lo làm ăn và thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà Kiều đã nhiều lần động viên nhưng anh chị không hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Lưu Khải H và anh H cư trú tại địa chỉ số TM/BK NGT, khóm B, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Do anh Lưu Khải H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Trần Ngọc T và anh Lưu Khải H xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2013, quyền số 01 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ do chị Trần Ngọc T cung cấp và kết quả xác minh ngày 26/10/2017, có cơ sở xác định sau thời gian chung sống thì chị T và anh Lưu Khải H phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn và thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con; từ năm 2014 thì anh chị không còn sống chung với nhau cho đến nay. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[2.3] Về con chung, cháu Lưu Ngọc V (nữ, sinh ngày 16/11/2011) đã sống chung với anh H từ nhỏ cho đến nay tại nhà số TM/BK NGT, khóm B, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên cuộc sống đã dần ổn định và do chị T đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, không đủ điều kiện về thời gian để chăm lo cho cháu Vy nên Hội đồng xét xử giao cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Ngọc T tự nguyện đóng góp cho anh Lưu Khải H mỗi tháng 1.500.000 đồng để nuôi cháu Lưu Ngọc V; cấp dưỡng vào ngày giữa tháng, bắt đầu từ tháng 02/2018 cho đến khi chấm dứt theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu này.

[2.5] Chị Trần Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lưu Ngọc V theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.6] Về tài sản chung và nợ chung thì chị Trần Ngọc T tự khai không có nên không giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc T và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Chị Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí lý hôn và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc T:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Ngọc T được ly hôn với anh Lưu Khải H.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Lưu Ngọc V (nữ, sinh ngày 16/11/2011) cho anh Lưu Khải H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Ngọc T hàng tháng có trách nhiệm đóng góp cho anh Lưu Khải H số tiền 1.500.000 đồng để nuôi cháu Lưu Ngọc V; cấp dưỡng vào ngày giữa tháng, bắt đầu từ tháng 02/2018 cho đến khi chấm dứt theo quy định pháp luật.

Chị Trần Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lưu Ngọc V theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Ngọc T tự khai không có nên không giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Ngọc T phải chịu 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0007879 ngày 05/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Chị Trần Ngọc T còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Chị Trần Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lưu Khải H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Đối với phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương